

ÁO BÀ BA - TRANG PHỤC ĐẶC TRƯNG CỦA NGƯỜI VIỆT VÙNG TÂY NAM BỘ

Trần Phỏng Điều



Thiếu nữ miền sông nước Nam Bộ Ảnh: Tô Hoàng Vũ

Sau nhiều biến động của lịch sử - xã hội cũng như sau những lần cải cách trang phục, chiếc áo bà ba đã định hình và dần trở thành trang phục đặc trưng của người Việt vùng Tây Nam Bộ. Nói là đặc trưng, bởi chiếc áo này không chỉ được nhiều giai tầng trong xã hội sử dụng mà nó còn tỏ ra có nhiều khác biệt so với trang phục của nhiều vùng khác trên cả nước.

“Bộ bà ba gồm một áo ngắn và một quần dài. Áo có cổ tròn, ôm khít vòng cổ, hai ống tay rộng vừa phải và dài đến cổ tay. Thân áo xẻ tà ngắn ở hai bên, phía sau nguyên một mảnh, phía trước hai mảnh, ở dưới có hai túi hình chữ nhật, giữa là dải khuy cài suốt từ trên xuống. Quần cột bằng dải rút, dững quần tương đối cao, hai ống rộng, dài đến cổ chân hoặc chấm gót chân. Bộ bà ba của nam

giới có phần gọn gàng, đường nét vuông vức; còn bộ bà ba của nữ thì có phần rộng rãi, đường nét lướt là hơn.”¹

Về nguồn gốc, cho đến nay vẫn chưa có tài liệu nào cho biết một cách chính xác thời điểm ra đời cũng như nguồn gốc của chiếc áo bà ba. Người ta chỉ biết rằng, vào đầu thế kỷ XX, chiếc áo này đã được mặc khá phổ biến ở vùng Tây Nam Bộ. Có ý kiến cho rằng, áo bà ba được người Việt tiếp thu từ một kiểu áo của người Bà Ba - tộc người lai giữa người Mã Lai và Trung Hoa: “Chiếc áo bà ba mà người miền Nam ưa thích, vạt ngắn không khâu chính là kiểu áo của người Bà Ba.”² Một ý kiến khác lại phỏng đoán rằng: “Có thể áo bà ba ảnh hưởng, cách tân từ áo lá và *xá xẩu* may bằng vải buồm đen của dân lao động người Hoa, là kiểu áo cổ cứng, xẻ giữa, cài nút thắt... Phải chăng do thời tiết quanh năm nóng bức, họ bỏ luôn chiếc cổ thấp của áo lá và áo *xá xẩu*, tán thêm đỉnh áo quanh chân cổ cho chắc. Áo xẻ giữa, cúc áo thay cho nút thắt, cúc nhựa do ảnh hưởng của phương Tây.”³ Cũng có ý kiến không hoàn toàn đồng ý với quan điểm chiếc áo bà ba mượn hoàn toàn từ người Bà Ba: “Thuyết *áo bà ba được du nhập từ kiểu áo của người Bà Ba bên Mã Lai* cũng có thể đúng một phần, nhưng không thể đúng toàn bộ. Đúng một phần bởi lẽ có khả năng người Bà Ba mặc một kiểu áo tương tự và người Việt đã mượn cái danh xưng *Bà Ba* để gọi kiểu áo của mình mà vốn lâu nay nó chưa có tên gọi riêng. Nhưng không thể đúng hoàn toàn, bởi bộ đồ bà ba so với bộ y phục của người dân Trung Bộ thế kỷ XVI, XVII chỉ là một bước cải tiến mà thôi.”⁴

Ở vùng Tây Nam Bộ, áo bà ba tỏ ra rất tiện dụng trong sinh hoạt đời sống hằng ngày: “Tay áo bà ba dài, có thể che được

nắng gay gắt khi lao động, thuận lợi hơn chiếc áo lá ngắn tay. Áo vẫn được xẻ hai bên vạt ở hông như áo lá khiến người mặc dễ cử động thoải mái khi làm việc. Áo bà ba lại có thêm hai túi to trên vạt áo nên khá tiện lợi vì có thể đựng tiền bạc, thuốc rê, diêm quẹt... là những món mà nam giới luôn cần mang theo bên mình.”⁵ Ngoài ra, áo bà ba rất dễ giặt giũ, mau khô, lại bền. Chính vì sự tiện dụng này mà chiếc áo bà ba được cả nam lẫn nữ mặc ngay cả lúc đi làm, đi chợ, đi chơi... Nhưng khi đi chơi, người ta thường chọn màu sắc nhẹ hơn như: màu trắng, màu xám tro. Riêng các cô, các bà thì chọn màu mạ non, xanh lơ nhạt... với chất liệu vải đắt tiền hơn, như vải the, lụa... Còn khi lao động thì màu sắc thường là đen, nâu sậm được nhuộm từ vỏ cây dứa, vỏ trám bầu, trái mặc nửa... với chất liệu vải rẻ tiền hơn như các loại: vải mốt, vải ú, vải sơn đầm... thích hợp với việc dãi nắng dầm mưa, lội sình, ngâm nước...

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của đô thị, áo bà ba truyền thống bắt đầu được cải tiến theo chiều hướng hiện đại hơn và đẹp hơn. Nổi bật nhất là việc cải tiến áo bà ba dành cho nữ giới. “Áo bà ba hiện nay không thẳng và rộng như xưa, mà được may hẹp, nhấn thêm eo, tôn ngực cho ôm sát lấy thân hình. Ngoài ra, những người dụng công cải tiến áo bà ba tập trung vào việc sáng tạo các kiểu chấp vai, cổ tay, cửa tay... Lúc này người phụ nữ đã tiếp thu và sử dụng khá phổ biến chiếc nịt ngực tân thời.

Áo bà ba cải tiến chú ý tới các kiểu cổ chữ U, bà lai, trái tim... là loại cổ khoét, không có ve, gần với kiểu cổ áo truyền thống, còn các loại bầu lá sen, cánh én... là các loại cổ có ve lật, tiếp thu từ kiểu y phục nước ngoài.

Các kiểu ráp tay cũng được cải tiến. Từ kiểu may áo cánh xưa, thân liền với tay, người ta nghĩ tới cách ráp tay rời ở bờ tay áo. Đặc biệt, trong những năm 70 thành thị miền Nam phổ biến kiểu ráp tay raglan, đã tạo nên dáng vẻ đẹp hiện đại cho chiếc áo bà ba truyền thống. Với kiểu vai raglan này, hai thân áo trước và sau tách với vai và tay áo, trong khi tay và áo lại liền từ cổ tới nách. Bà ba vai raglan này chỉ cần may khít, vừa vặn với eo lưng, không quá thắt như kiểu áo trước. Tay áo dài nhưng hơi loe, có khi bỏ cả hai túi ở vạt trước để tạo cho thân áo nhẹ nhõm, mềm mại hơn.

Đây cũng là thời kỳ các loại vải ngoại đẹp tràn lan vào thị trường Miền Nam với nhiều màu sắc đa dạng. Các bà, các cô thường chọn hàng tétơông, soa, mousoilin... để may loại áo bà ba này. Để kết hợp với bà ba, người ta cũng chọn những hàng soa để may quần kiểu nổi đáy, may hơi sát hông, ống hơi loe, để tạo dáng đẹp mềm mại, kín đáo, hiền thực của người phụ nữ. Cũng vì có những cải tiến như vậy, chiếc áo bà ba một thời đã không được mấy người thành thị ưa chuộng, nay khôi phục lại vị trí của mình, vững vàng trước những mốt tân thời hàng ngày tràn từ bên ngoài vào".⁶

Phụ trang đi kèm với áo bà ba là chiếc khăn rằn có nguồn gốc từ người Khmer mà người Việt đã ảnh hưởng. Chiếc khăn rằn thường có hai màu đen và trắng hoặc nâu và trắng. Hai màu này được kẻ thành hai lần ngang, đan chéo vào nhau tạo thành ô vuông nhỏ, trải dài khắp mặt khăn. Có lẽ chính hai màu này nằm đan xen với nhau tạo thành các lần ngang dọc nên người ta mới gọi là khăn rằn. Chiếc khăn rằn có chiều dài khoảng 1,2 m, rộng chừng 30 đến 50 cm không có các màu sắc cầu kỳ, sặc sỡ mà rất

đổi bình dị và giản đơn. Cho nên chiếc khăn rằn thường gắn liền với những con người chân đất, lao động nơi ruộng đồng và sông nước mênh mông. Khăn được vắt gọn trên đầu đối với người phụ nữ hoặc cột ngang trán, chừa hai đuôi khăn nhô lên đầu, nút khăn nằm ở phía trước đối với nam. Hoặc là khăn được quàng trên cổ, một đầu thả trước ngực, một đầu thả sau lưng, đôi khi hai đầu buông xuôi xuống phía trước. Người ta có thể dùng khăn để lau mồ hôi, cột lại để đựng đồ, lau mình và thậm chí dùng để thay đồ,...

Chính sự tiện ích của nó mà ngày nay chiếc khăn rằn phổ biến đến mọi người mà không hề có sự phân biệt về dân tộc, giới tính khi sử dụng, và không chỉ có những người lao động lam lũ mà những điền chủ, những người giàu có cũng sử dụng chiếc khăn rằn trong đời sống thường nhật của mình.

Ngày nay, xã hội đã phát triển, đời sống con người được nâng lên. Từ nhu cầu mặc ấm đã được nâng lên thành mặc đẹp. Người ta đua nhau sắm cho mình những bộ trang phục ưng ý nhất, đắt tiền nhất trong khả năng mình có thể. Mặc dù vậy, chiếc áo bà ba không hề mất đi mà nó vẫn đang tồn tại, tạo thành nét đặc trưng riêng của người dân xứ này.

¹ Trần Ngọc Thêm (2018), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Văn hóa - văn nghệ, tr.473.

² Sơn Nam (1992), *Văn minh miệt vườn*, Nxb Văn hóa, tr.43.

³ Ngô Đức Thịnh (2018), *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb Tri Thức, tr.85.

⁴ Thạch Phương - Hồ Lê - Huỳnh Lứa - Nguyễn Quang Vinh (1992), *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr.121.

⁵ Ngô Đức Thịnh (2018), *Sdd*, tr.85-86.

⁶ Ngô Đức Thịnh (2018), *Sdd*, tr.89-90.